

Phụ lục

Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Sở, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (ngân sách tỉnh)	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
TỔNG CỘNG (I + II)		70,581	61,375	9,206	
I	PHÂN BỐ	54,956	49,223	5,733	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3,563	3,138	425	
	Huyện Tuy Phong	23	23		
	Huyện Bắc Bình	280	280		
	Huyện Hàm Thuận Bắc	1,138	990	148	
	Huyện Hàm Thuận Nam	322	280	42	
	Huyện Tánh Linh	1,690	1,469	221	
	Huyện Đức Linh	110	96	14	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	28,854	26,663	2,191	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	24,205	22,621	1,584	
-	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho các Ban Quản lý rừng thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định	24,205	22,621	1,584	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4,649	4,042	607	
-	Phân bổ vốn cho Sở Dân tộc và Tôn giáo	1,195	1,039	156	
-	Còn lại phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí quy định	3,454	3,003	451	
	Huyện Hàm Thuận Nam	1,132	984	148	
	Huyện Tánh Linh	2,322	2,019	303	
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5,144	4,600	544	

TT	Sở, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (ngân sách tỉnh)	
3.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	4,172	3,628	544	
-	<i>Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10% vốn sự nghiệp cho tiểu dự án 1</i>	417	363	54	
*	Phân bổ vốn cho các địa phương (01 trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh và 04 trường dân tộc nội trú huyện)	3,755	3,265	490	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
3.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	372	372		
	<i>Bồi dưỡng kiến thức dân tộc (phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Sở Dân tộc và Tôn giáo)</i>	372	372		
3.3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	600	600		
	<i>Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Sở Dân tộc và Tôn giáo</i>	600	600		
4	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	7,621	6,310	1,311	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
5	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	1,631	1,418	213	
-	<i>Phân bổ vốn cho Sở Y tế không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của dự án</i>	163	142	21	
*	Còn lại phân bổ cho các địa phương	1,468	1,276	192	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1,000	1,000		
-	<i>Phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 12% tổng vốn sự nghiệp của dự án</i>	120	120		
*	Còn lại phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì thực hiện theo tiêu chí quy định	880	880		Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1,669	1,452	217	

TT	Sở, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (ngân sách tỉnh)	
7.1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1,669	1,452	217	
-	<i>Phân bổ vốn cho Sở Dân tộc và Tôn giáo</i>	288	250	38	
*	Còn lại phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí quy định	1,381	1,202	179	
	Huyện Bắc Bình	538	468	70	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	345	300	45	
	Huyện Hàm Thuận Nam	225	196	29	
	Huyện Hàm Tân	32	28	4	
	Huyện Tánh Linh	225	196	29	
	Huyện Đức Linh	16	14	2	
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	5,474	4,642	832	
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	4,711	4,096	615	
-	<i>Phân bổ vốn cho các sở, ngành cấp tỉnh không quá 67% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án</i>	3,260	2,835	425	
	<i>Sở Dân tộc và Tôn giáo</i>	3,260	2,835	425	
*	Còn lại phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí	1,451	1,261	190	
	Huyện Bắc Bình	569	495	74	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	259	225	34	
	Huyện Hàm Thuận Nam	104	90	14	
	Huyện Hàm Tân	104	90	14	
	Huyện Tánh Linh	363	316	47	
	Huyện Đức Linh	52	45	7	
8.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	763	546	217	

TT	Sở, ban, ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (ngân sách tỉnh)	
-	<i>Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 55% tổng vốn sự nghiệp tiểu dự án.</i>	524	339	185	
	Sở Dân tộc và Tôn giáo	224	191	33	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	16	2	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	16	2	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18	16	2	
	Sở Y tế	18	16	2	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	228	84	144	
-	<i>Còn lại phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí</i>	239	207	32	
	Huyện Bắc Bình	90	78	12	
	Huyện Hàm Thuận Nam	45	39	6	
	Huyện Hàm Tân	15	13	2	
	Huyện Tánh Linh	82	71	11	
	Huyện Đức Linh	7	6	1	
II	CHƯA PHÂN BỐ	15,625	12,152	3,473	